

# VẬN DỤNG LÝ THUYẾT NHẬN THỨC LINH HOẠT TRONG DẠY HỌC NGHIỆP VỤ QUẢN LÝ TRƯỜNG MẦM NON

NGUYỄN THỊ THU HIỀN\*

Ngày nhận bài: 05/04/2017; ngày sửa chữa: 12/05/2017; ngày duyệt đăng: 12/05/2017.

**Abstract:** Improving management competence of education managers is the key task to enhance quality of education and training in Vietnam today. In this article, author presents one of effective tools of education management - Cognitive Flexibility theory. Applying this theory to teaching preschool management profession is to improve competence of education managers at preschools with aim to meet requirements of reality.

**Keywords:** Theory of professional teaching, Flexible cognitive theory, preschool management.

## 1. Đặt vấn đề

Trong quá trình đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục (GD) Việt Nam, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý GD là một khâu rất quan trọng, được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm. Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XI thông qua Chiến lược phát triển KT-XH giai đoạn 2011-2020 đã ghi rõ: “*Phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý GD là khâu then chốt*”. Như vậy, có thể khẳng định đội ngũ cán bộ quản lý mang tính chỉ đạo và quyết định đến chất lượng nền GD-ĐT Việt Nam. Năm 2012, Bộ GD-ĐT đã chỉ đạo xây dựng lại toàn bộ chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý GD mang tính thiết thực và hiện đại hơn, trong đó có GD mầm non. Chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý trường mầm non (QLTMN) mới lấy nền tảng là kiến thức, kinh nghiệm, kĩ năng (KN) vốn có của người học để hoàn thiện hơn về tư duy và KN lãnh đạo, quản lý thực tế cơ sở GD mầm non. Do đó, công tác giảng dạy vận dụng lý thuyết nhận thức linh hoạt (NTLH) là hướng đi gọi mở nhiều lợi ích. Bài viết trên cơ sở nghiên cứu lý luận đã đề xuất hệ thống các biện pháp vận dụng lý thuyết NTLH trong dạy học (DH) nhằm không ngừng nâng cao chất lượng chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ QLTMN.

## 2. Cơ sở lý luận

**2.1. Lý thuyết NTLH là gì?** Lý thuyết NTLH đã được Spiro và Jelng đưa ra từ năm 1990 dựa trên cơ sở các nghiên cứu về thuyết học tập nhận thức và triết học của Wittgenstein. Các tác giả cho rằng nhận thức của người học có tính linh hoạt. Tính linh hoạt nhận thức là khả năng cấu trúc lại các thành phần của kiến thức đã được người học tìm kiếm từ nhiều nguồn khác nhau, bằng nhiều cách thức khác nhau một cách hợp lý, phù hợp với các nhu cầu hiểu biết nhất định hoặc giải quyết một tình huống có vấn đề của chính bản

thân người học [1]. Năm 2001, Johnston phát triển khái niệm “*tiếp cận linh hoạt trong DH*” dựa trên cơ sở kết hợp của các hình thức “*học tập mở*” và “*học tập linh hoạt*”. Theo khái niệm này, “*tiếp cận linh hoạt trong DH*” được dựa trên sự phát triển của công nghệ thông tin ứng dụng vào DH để gia tăng mức độ kiểm soát của người học về thời gian, nội dung, địa điểm, phương pháp và những gì mà họ muốn học [2; tr 1]. Song, khái niệm này mới chỉ phát triển dưới dạng hình thức DH online mà chưa có nghiên cứu ứng dụng với các hình thức học tập phổ biến khác.

Tại Việt Nam, lý thuyết NTLH cũng đã được nghiên cứu trong một số công trình gần đây. Tháng 5/2005, Bùi Văn Quân đã nghiên cứu về “*thiết kế nội dung học tập theo lý thuyết NTLH*”. Trong nghiên cứu này, dựa vào tính chất linh hoạt trong nhận thức của người học, tác giả đã đề xuất các yêu cầu để thiết kế nội dung học tập và logic thực hiện. Theo đó, để phát huy tính linh hoạt nhận thức của người học, trong quá trình DH giáo viên (GV) cần coi trọng vai trò của tri thức kiến tạo (người học kiến tạo tri thức dựa vào hoàn cảnh). Đây là loại tri thức sống động, bắt nguồn từ chính những yếu tố cấu thành hoàn cảnh cụ thể của học tập và sự phát triển cá nhân của người học. Hoàn cảnh cụ thể của học tập có thể là các sự kiện tình huống, các sự kiện phát sinh từ thực nghiệm, từ sự quan sát trực tiếp, từ những liên hệ của bài học với thực tiễn cuộc sống... Trong quá trình DH, GV phải tạo được cơ hội để người học phát triển các KN trình bày, áp dụng thông tin của mình nhằm học tập đúng đắn [3]. Năm 2009, Lê Quỳnh Trang đã nghiên cứu một số KN thiết kế bài học theo lý thuyết NTLH [4]. Năm 2013, Bùi Văn Hồng

\* Trưởng Đại học Hải Phòng

đã nghiên cứu vận dụng lí thuyết NTLH vào hoạt động DH thực hành kĩ thuật diễn ra trong không gian lớp học với các yếu tố biến đổi là phương tiện DH, trình độ và phong cách học tập của học sinh [5]. Các nghiên cứu này đã khẳng định được lợi ích của lí thuyết NTLH trong DH. Tuy nhiên, những nghiên cứu này cũng mới dừng lại ở việc thiết kế DH bài học, môn học. Cho đến nay vẫn chưa có nghiên cứu nào vận dụng lí thuyết này cho chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ quản lí trường học, đặc biệt là nghiệp vụ QLTMN. Với mục đích hướng đến việc hình thành tư duy khoa học hiện đại cùng KN lãnh đạo, quản lí nhà trường, việc đề xuất các biện pháp vận dụng lí thuyết NTLH vào DH nghiệp vụ QLTMN sẽ trọn vẹn ý nghĩa cả về mặt lí luận lẫn thực tiễn.

## 2.2. Chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ QLTMN

### 2.2.1. Mục tiêu chương trình:

- Quán triệt các quan điểm, đường lối, chính sách phát triển KT-XH, phát triển GD-ĐT trong bối cảnh hội nhập quốc tế theo tinh thần lấy đổi mới căn bản và toàn diện nền GD Việt Nam;  
- Tăng cường năng lực lãnh đạo để cán bộ QLTMN nhận thức được sứ mạng, xây dựng được tầm nhìn, biết chọn lựa mô hình và phong cách lãnh đạo phù hợp với vị trí công việc được giao trong điều kiện cụ thể của mỗi nhà trường;  
- Tăng cường kiến thức, KN quản lí GD để cán bộ QLTMN tự học, phát triển năng lực bản thân.

2.2.2. Cơ cấu chương trình. Cơ cấu chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ QLTMN được thể hiện cụ thể như dưới bảng sau (xem *bảng 1*):

Có thể nói, chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ QLTMN là chương trình tổng quan, hệ thống toàn bộ lí luận nền tảng về khoa học quản lí GD và KN quản lí các lĩnh vực cụ thể của trường mầm non. Bên cạnh đó, chương trình còn mang tính ứng dụng, phù hợp với thực tế đòi hỏi cần đổi mới tư duy, đổi mới phương thức quản lí của các trường mầm non ở từng địa phương cụ thể. Chương

trình được xây dựng theo hướng “mở”, chú trọng đến phương thức bồi dưỡng đa dạng và linh hoạt để hình thành năng lực cho học viên.

Tóm lại, chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ QLTMN đòi hỏi người học cần hiểu biết sâu sắc về các nội dung học tập, các vấn đề có liên quan và vận dụng nội dung này một cách linh hoạt trong những bối cảnh khác nhau của thực tiễn công tác. Chính vì vậy, quá trình DH nghiệp vụ QLTMN rất cần được vận dụng theo

Bảng 1. Chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ QLTMN

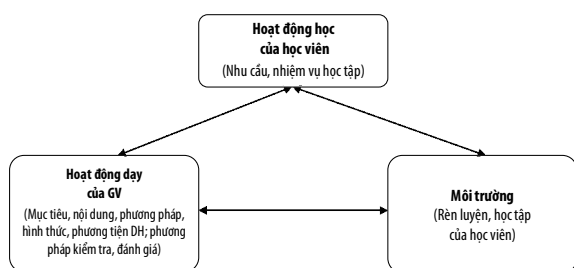
Nội dung chương trình	Hình thức tổ chức DH					Tổng số tiết
	Lí thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực tế	Tự NC	
<b>PHẦN THỨ NHẤT: LÍ LUẬN - 315 tiết</b>						
<b>Module 1: Đường lối phát triển GD-ĐT Việt Nam (15 tiết)</b>						
Chuyên đề 1: Đường lối phát triển GD & ĐT Việt Nam	6	0	6	0	3	15
<b>Module 2: Lãnh đạo và quản lí (30 tiết)</b>						
Chuyên đề 2: Tổng quan về khoa học quản lí và quản lí GD	6	0	6	0	3	15
Chuyên đề 3: Quản lí sự thay đổi	5	0	7	0	3	15
<b>Module 3: Quản lí hành chính nhà nước về GD-ĐT (60 tiết)</b>						
Chuyên đề 4: Quản lí hành chính nhà nước về GD-ĐT	4	0	8	0	3	15
Chuyên đề 5: Quản lí và thực thi hệ thống văn bản quản lí nhà nước trong GD mầm non	4	0	8	0	3	15
Chuyên đề 6: Thanh tra, kiểm tra trong GD mầm non	4	0	8	0	3	15
Chuyên đề 7: Đánh giá, kiểm định trong GD mầm non	4	0	8	0	3	15
<b>Module 4: Quản lí nhà trường (165 tiết)</b>						
Chuyên đề 8: Lập kế hoạch phát triển trường mầm non	5	0	7	0	3	15
Chuyên đề 9: Tổ chức thực hiện chương trình GD và quản lí hoạt động nuôi dưỡng chăm sóc và GD trẻ trong trường mầm non	20	25	0	0	0	45
Chuyên đề 10: Quản lí hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng và sáng kiến kinh nghiệm tại các trường mầm non	4	0	8	0	3	15
Chuyên đề 11: Quản lí nhân sự trong trường mầm non	5	2	5	0	3	15
Chuyên đề 12: Quản lí tài chính, tài sản trong trường mầm non	8	0	16	0	6	30
Chuyên đề 13: Xây dựng và phát triển các mối quan hệ của trường mầm non	3	0	9	0	3	15
Chuyên đề 14: Xây dựng và phát triển văn hóa nhà trường mầm non	4	0	8	0	3	15
Chuyên đề 15: Ứng dụng CNTT và truyền thông trong trường mầm non	2	0	2	8	3	15
<b>Module 5: Các KN hỗ trợ QLTMN (45 tiết)</b>						
Chuyên đề 16: KN đàm phán và tổ chức cuộc họp	2	2	4	0	2	10
Chuyên đề 17: KN ra quyết định	5	1	6	0	3	15
Chuyên đề 18: KN làm việc nhóm	3	1	4	0	2	10
Chuyên đề 19: Phong cách lãnh đạo	5	0	2	3	0	10
<b>PHẦN THỨ HAI: THỰC TẾ VÀ THU HOẠCH - 45 tiết</b>						
1. Nghiên cứu thực tế						15
2. Tiểu luận cuối khóa						30
<b>Tổng cộng</b>						<b>360</b>

một lí thuyết xuất phát từ quá trình hình thành, kiến tạo kiến thức và vận dụng KN nghiệp vụ một cách chủ động, linh hoạt từ phía người học. Việc vận dụng lí thuyết NTLH trong DH là một hướng đi hoàn toàn đúng đắn và hợp lí để không ngừng nâng cao chất lượng bồi dưỡng chương trình.

### 3. Dạy học nghiệp vụ QLTMN theo tiếp cận NTLH

**3.1. Cấu trúc hoạt động DH nghiệp vụ QLTMN theo tiếp cận NTLH.** Hoạt động DH bồi dưỡng nghiệp vụ QLTMN có cấu trúc bao gồm ba yếu tố là hoạt động học của học viên, hoạt động dạy của GV và môi trường rèn luyện, học tập của học viên. Cấu trúc này được khái quát theo sơ đồ cụ thể dưới đây:

Hình 2: Sơ đồ cấu trúc hoạt động DH nghiệp vụ QLTMN theo tiếp cận NTLH



Theo tiếp cận NTLH, hoạt động DH nghiệp vụ QLTMN được bắt đầu từ việc xác định nhiệm vụ, nhu cầu học tập của học viên. Từ đó, hoạt động học của học viên và hoạt động dạy của GV được tiến hành phù hợp với nhiệm vụ học tập. Mọi phương pháp và hình thức DH đều nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người học làm chủ kiến thức thông qua việc kiến tạo tri thức trong môi trường rèn luyện và học tập cụ thể của người học. Điểm đáng lưu ý ở đây là mục tiêu DH theo kiến thiết chương trình của các nhà khoa học không hề bị lược bỏ hay hạ thấp đi. Ngược lại, thông qua kĩ thuật DH khéo léo và tài ba của GV mà mục tiêu, nội dung DH được khắc sâu và trở thành vốn tri thức tự thân của chính người học. Việc vận dụng lí thuyết NTLH trở thành điểm tựa để người dạy thăng hoa, tìm tòi, vận dụng sức sáng tạo trong tổ chức, chỉ đạo hoạt động học phù hợp với đối tượng học viên.

**3.2. Đặc điểm hoạt động DH nghiệp vụ QLTMN theo tiếp cận NTLH.** Từ sơ đồ cấu trúc trên cho thấy, hoạt động DH nghiệp vụ QLTMN theo lí thuyết NTLH có 3 đặc điểm đặc trưng nổi bật:

- *Nhiệm vụ, nhu cầu học tập của học viên* được xác định một cách cụ thể bao gồm các yếu tố sau:  
+ Tìm kiếm, kiến tạo và củng cố kiến thức về khoa học

quản lí, QLTMN, quản lí hành chính nhà nước về GD-ĐT, quản lí các hoạt động phục vụ công tác nâng cao chất lượng chăm sóc, GD trẻ; + Rèn luyện và phát triển KN cần thiết cho công tác QLTMN; + Thiết lập ý thức, thái độ chủ động, cởi mở, tự tin và bản lĩnh trong việc hội nhập và làm chủ xu thế mới đang không ngừng vận động và thay đổi của công tác QLTMN.

- *Hoạt động DH của GV* lấy điểm tựa từ nhu cầu, nhiệm vụ tự thân và những điều kiện nền tảng về môi trường rèn luyện và học tập của học viên. Trên cơ sở đó, GV xây dựng nội dung DH, mục tiêu DH cho phù hợp. Điều quan trọng là bằng nghệ thuật “*kiến trúc sư phạm*”, GV cần vận dụng tối đa các kĩ thuật, hình thức, phương pháp dạy học (PPDH) kết hợp với các phương tiện để đưa mục tiêu, nội dung DH trở thành nhu cầu, nhiệm vụ tự thân của người học.

- *Môi trường học tập và rèn luyện của học viên* trong chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ QLTMN có nét đặc trưng riêng biệt. Môi trường này rất đa dạng, phong phú và cụ thể như sau: + Môi trường tương tác trực tiếp giữa học viên với GV và bạn bè trên lớp dưới sự tổ chức, điều khiển của GV; + Môi trường thực tiễn tại cơ sở GD mầm non mà học viên đang tham gia công tác quản lí; + Môi trường điển hình, tiên tiến, hình mẫu lí tưởng về công tác QLTMN mà học viên có điều kiện được biết đến và được tham quan học tập.

### 4. Các biện pháp vận dụng lí thuyết NTLH trong DH nghiệp vụ QLTMN

**4.1. Các nguyên tắc xây dựng biện pháp:** Đảm bảo tính mục đích; Đảm bảo tính thiết thực và hiệu quả; Đảm bảo tính khoa học và hiện đại.

#### 4.2. Các biện pháp đề xuất:

**4.2.1. Tìm hiểu và nắm bắt thực trạng các điều kiện cơ sở nền tảng vốn có của học viên.** Bản chất của hoạt động DH theo thuyết NTLH là sự kiến tạo tri thức một cách tự nhiên và tự do dựa vào hoàn cảnh của người học. Sự linh hoạt trong nhận thức của người học không chỉ thể hiện đơn thuần trong việc mô tả tri thức. Quan trọng hơn còn là sự thể hiện trong những hành động xử lí diễn ra trên nền những biểu tượng giá trị vật chất và tinh thần vốn có của người học. Do vậy, việc tìm hiểu và nắm bắt thực trạng của học viên là một điều kiện tiên quyết. Việc làm này nhằm đưa ra những đánh giá chính xác về các yếu tố cơ bản của học viên trong hoạt động DH nghiệp vụ QLTMN. Việc thu thập thông tin xác thực về học viên cần được tiến hành bằng nhiều hình thức khác nhau như: khảo sát qua bảng hỏi, phát vấn, thảo luận, giao bài tập. Những phương pháp đó được tiến hành theo một lộ trình bao gồm 2 vòng:

*Vòng 1: Khảo sát sơ bộ để nắm bắt những thông tin khái quát chung về học viên, bao gồm 2 bước cụ thể.*

*Bước 1:* Triển khai ngay từ khâu tiếp nhận hồ sơ tuyển sinh. Trong phiếu đăng kí dự tuyển của học viên bao gồm những thông tin đầu vào như: độ tuổi, năm vào ngành GD mầm non, trình độ chuyên môn, chức danh nghề nghiệp hiện nay, địa bàn hoạt động của nhà trường.

*Bước 2:* Triển khai ngay trong ngày khai giảng lớp, tại thời điểm lớp học đã được hình thành những nhưng chưa triển khai thực hiện chương trình. Ở bước này thông tin được thu thập bằng cách phát phiếu điều tra. Phiếu điều tra tập trung vào khai thác 3 nội dung chính:

1) *Về mục đích, nhu cầu học tập thực tế của học viên.* Ngoài mục tiêu của khóa học như kiến thức, KN, kinh nghiệm về công tác QLTMN chúng ta cần đi sâu tìm hiểu:

- Nhiệm vụ, nguyện vọng, mục tiêu cụ thể của công tác QLTMN tại thời điểm khóa học diễn ra. Ví dụ như: ứng dụng công nghệ thông tin (ƯDCNTT) cụ thể về phần mềm nào và dùng để phục vụ cho mảng công tác nào.

- Nguyện vọng giúp khắc phục những vấn đề cụ thể gì còn tồn đọng của công tác QLTMN trong thực tiễn.

2) *Trình độ tư duy, KN, kinh nghiệm về GD mầm non, quản lí trường học.* Trình độ tư duy được thể hiện qua trình độ chuyên môn, trình độ lí luận chính trị, trình độ ngoại ngữ, tin học. KN, kinh nghiệm công tác thể hiện ở các chức vụ chính quyền, đảng, đoàn thể học viên đảm nhận. Ngoài ra những thông tin này còn được thể hiện ở sự tự đánh giá của học viên về mức độ thuần thục các KN đặc thù của công tác quản lí như: KN giao tiếp, KN thuyết trình và nói trước đám đông, KN đàm phán, thương lượng, KN giải quyết xung đột, KN giải quyết vấn đề và ra quyết định... những điểm mạnh và điểm yếu để đáp ứng công tác của bản thân.

3) *Điều kiện thực tế công tác quản lí của học viên* bao gồm các thông tin về tên trường, địa điểm, năm thành lập nhà trường. Tình trạng cơ sở vật chất (số phòng, các phòng chức năng, khuôn viên, đồ dùng trang thiết bị), quy mô trường lớp (số trẻ theo từng độ tuổi, chỉ số phát triển về cả thể chất lẫn trí tuệ, tình cảm và các KN xã hội), đội ngũ cán bộ công nhân viên, GV và người lao động (độ tuổi, trình độ, kinh nghiệm, ưu điểm, nhược điểm).

Những thông tin vòng một sẽ là cơ sở để thiết lập kế hoạch DH chung nhất cho toàn bộ chương trình với từng lớp học cụ thể.

- *Vòng 2: Tìm hiểu thông tin về học viên theo từng chuyên đề.* Từng chuyên đề là một lĩnh vực hoạt động chuyên môn riêng của công tác QLTMN như quản lí tài chính, quản lí nhân sự, kiểm tra nội bộ nhà trường,... Mỗi chuyên đề đều có những yêu cầu đặc thù nhất định về khối lượng tri thức, KN và thái độ ứng xử riêng. Tới đây để công tác giảng dạy đạt hiệu quả, GV cần dùng những kĩ thuật sư phạm đặc thù làm công cụ buộc người học bộc lộ khả năng, năng lực trong giới hạn chuyên đề. Ví dụ: chuyên đề quản lí nhân sự năng lực của học viên có thể được đánh giá qua cách thức tuyển lựa nhân sự, cách giao việc cho người mới đến. Đây là những thông tin giúp GV đưa ra PPDH phù hợp nhất với từng lớp học cụ thể.

4.2.2. *Xây dựng kế hoạch DH linh hoạt về nội dung, hình thức và phương pháp.* Đây là quá trình xử lí thông tin thu thập được về học viên nhằm đề ra phương án DH tối ưu có sự kích thích tinh thần tự giác, ham học hỏi của người học. Tương ứng với các vòng điều tra, quá trình xử lí thông tin cũng bao gồm hai định hướng:

1) *Xây dựng kế hoạch DH chung cho toàn chương trình.* Với những thông tin khái quát về học viên ở vòng một, trước khi triển khai thực hiện chương trình, tổ nghiệp vụ QLTMN cần trao đổi thống nhất một số định hướng chung cho toàn bộ chương trình như sau:

- Địa điểm và thời gian tiến hành lớp học (phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh công tác của học viên từng lớp).

- Điều phối lại tổng thể chương trình sát với nhu cầu thực tế của học viên: Xác định rõ chủ thể quản lí trong lớp là hiệu trưởng, hiệu phó hay tổ trưởng chuyên môn. Loại hình nhà trường quản lí là trường công lập hay dân lập, tư thục. Đặc điểm đặc trưng trong công tác chỉ đạo, lãnh đạo GD mầm non của quận, huyện địa phương nơi lớp học diễn ra.

- Điều phối về định hướng thiết yếu cho từng chuyên đề phù hợp theo tính thời điểm. Ví dụ như: KN lập công thức tính toán trên Excel đối với chuyên đề ƯDCNTT ở thời điểm đẩy mạnh đánh giá trẻ trên Excel. Hay chuyên đề quản lí sự thay đổi tập trung vào chỉ đạo đổi mới chương trình ở thời điểm có sự áp dụng theo định hướng.

2) *Xây dựng kế hoạch DH cho từng chuyên đề.* Với từng chuyên đề, GV sẽ là người thiết kế nội

dung, cách thức triển khai cụ thể. Điểm đặc biệt trong DH nghiệp vụ QLTMN là nội dung DH luôn bao quát từ hệ thống kiến thức khoa học đến KN và thái độ ứng xử vấn đề trong thực tế. Do đó việc thiết kế nội dung DH đòi hỏi GV cần phải xử lý công phu, linh hoạt nhiều cách tiếp cận khác nhau tùy theo đối tượng học viên. Mỗi chuyên đề đều có đặc thù về chuẩn mực học viên cần phải đạt được. Từ chuẩn mực đó GV nên phân chia nội dung học tập chuyên đề để lựa chọn PPDH phù hợp. Xác định nội dung nào dạy theo kiểu mô tả, trình bày, nội dung nào được dạy theo kiểu kể chuyện, phân vai hay giải quyết tình huống,... Trong đó, GV cố gắng thu xếp tạo nhiều cơ hội để người học được kiến tạo lại tri thức theo hoàn cảnh; phát huy triệt để cách DH phát huy tính tích cực nhận thức như tự tìm tòi, khám phá tri thức, giải quyết vấn đề hay xử lý tình huống,...

Trong mỗi nội dung đã xác định được PPDH, GV nên thiết kế linh hoạt nhiều cách tiếp cận khác nhau tương ứng với trình độ khác nhau của đối tượng học viên. Ví dụ: cùng là phương pháp mô tả nhưng với đối tượng học sinh có trình độ tư duy cao, GV sẽ yêu cầu học viên tổng hợp rồi có sự mở rộng logic phát triển vấn đề sang xu thế mới. Với đối tượng học sinh trình độ tư duy bình thường, GV sẽ khái quát lại vấn đề một cách chính xác, dễ hiểu vào bản chất của vấn đề...

*4.2.3. Đa dạng hóa môi trường học tập và rèn luyện của học viên thông qua sử dụng thiết bị DH và UDCNTT.* Toàn bộ tri thức của người học được kiến tạo một cách tự nhiên trong bối cảnh hoạt động thực tiễn. Do vậy, ngoài việc thiết kế linh hoạt nội dung, hình thức DH, GV cần chú trọng tới việc đa dạng hóa môi trường học tập và rèn luyện của học viên. Môi trường học tập và rèn luyện của học viên trong chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ QLTMN bao gồm môi trường lớp học, môi trường công tác và môi trường điển hình tiên tiến nơi học viên trau dồi, học hỏi kinh nghiệm thực tiễn. Đây là những hoàn cảnh hoàn toàn tự nhiên tác động đến quá trình nhận thức của người học. Song, thông qua sự trợ giúp của các phương tiện DH và UDCNTT, GV phải chủ động nắm bắt những môi trường này và biến chúng thành công cụ để đạt được mục tiêu DH.

Môi trường tác động mạnh nhất tới sự phát triển của học viên theo đúng định hướng là môi trường giao tiếp của lớp học với sự tiếp xúc cùng thầy cô và bạn bè. Tri thức của người học sẽ được kích thích và khắc sâu nhờ không khí lớp học sống động. GV cần

đặc biệt lưu ý tạo nhiều cơ hội cho học viên kiến tạo tri thức thông qua sử dụng PPDH mang tính tích cực, trực quan sinh động. Nhiều phương pháp có thể áp dụng như: phương pháp đàm thoại, minh họa, phân vai diễn kịch, thảo luận, trò chơi nhận thức, làm việc nhóm, tình huống, giải quyết vấn đề,... Những phương pháp này sẽ đạt hiệu quả cao khi được sử dụng kết hợp với các phương tiện DH như máy chiếu, bảng thống kê, bảng biểu, đồ dùng minh họa trực quan,... Bên cạnh đó, sự tiếp xúc giữa các thành viên trong lớp cũng tạo ra môi trường văn hoá riêng cho lớp học. GV nên định hướng cho mỗi lớp có một ngày truyền thống để lớp gặp mặt, giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm; hướng dẫn học viên lên kế hoạch tổ chức các hoạt động thi đua, học hỏi, hỗ trợ lẫn nhau giữa các trường trong chuyên môn cụ thể.

Môi trường tiếp xúc với thầy cô và bạn bè trong thế giới hiện đại ngày nay đã vượt ra ngoài không gian lớp học. Môi trường này trở nên rộng mở dường như không có giới hạn và được kết nối 24/7 nhờ rất nhiều các mạng xã hội như: Facebook, Zalo, Viber, Youtube, Instagram, Zingme, Wechat,... Đây chính là các kênh chia sẻ thông tin thực tế và trực quan nhất. Qua các kênh thông tin này GV có thể chuyển tải các thông điệp tới học viên một cách ấn tượng và sâu sắc. Nhìn xa hơn, trong quá trình DH nghiệp vụ quản lý trường học nhà trường nên cử cán bộ chuyên trách thiết lập và quản trị trang thông tin hay cổng thông tin riêng. Ở đó mọi thông tin cần thiết nhất về nghiệp vụ quản lý nhà trường nói chung, nhà trường mầm non nói riêng được cập nhật, chia sẻ và tìm kiếm ở mọi nơi, mọi lúc. Dần dần, nhà trường có thể phát huy và xây dựng hệ thống DH E-learning về chương trình này.

GV nên phát huy UDCNTT cả trong môi trường thực tiễn công tác và môi trường điển hình tiên tiến nơi học viên trau dồi, học hỏi kinh nghiệm. Tuy nhiên, với hai môi trường này, nếu chỉ dừng lại ở sự chia sẻ thông tin xác thực, sống động thôi thì chưa đủ. Để hai môi trường này thực sự là hoàn cảnh thực tiễn nhằm rèn luyện KN nghiệp vụ quản lý một cách bài bản, GV cần thường xuyên kiểm tra, đánh giá KN vận dụng thực tế của họ. GV dùng hệ thống bài tập lớn như: bài tập chuyên đề, tiểu luận cuối khoá để đánh giá học viên. Trong hệ thống bài tập này, học viên sẽ phải phân tích đánh giá thực trạng của hai môi trường này, sau đó bằng tri thức của bản thân, học viên phải đưa ra được định hướng phát triển nhà trường.

### **5. Kết luận**

Mỗi PPDH để được đánh giá là tích cực phụ  
(Xem tiếp trang 5)

3.2.6. *Kịp thời nêu gương nhân lực NCKH xuất sắc, nhân rộng các điển hình tiên tiến.* Công tác tuyên truyền, nhân rộng điển hình trong phong trào thi đua yêu nước luôn là một yêu cầu quan trọng trong công tác tư tưởng và là công cụ lãnh đạo của Đảng, Nhà nước. Công tác tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến có ý nghĩa góp phần truyền bá tư tưởng, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nâng cao nhận thức xây dựng niềm tin, tác động vào tình cảm để cổ vũ, thúc đẩy hành động của đội ngũ NCKH giáo dục theo mục tiêu, lí tưởng của Đảng, của cách mạng.

Mục tiêu của công tác tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến là góp phần tích cực xây dựng con người mới, cuộc sống mới, do đó nó có vai trò giáo dục, bồi dưỡng, phát triển con người, cải tạo thực tiễn, đấu tranh xóa bỏ những thói hư, tật xấu, hình thành nhân cách con người mới Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Tổng kết, khen thưởng kịp thời gương cán bộ tiêu biểu xuất sắc, tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua yêu nước là một nhiệm vụ quan trọng trong công tác tư tưởng chính trị của cấp ủy Đảng, Công đoàn và chuyên môn của đơn vị. Thể hiện được vai trò to lớn của công tác thi đua, khen thưởng, tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến trong xây dựng cuộc sống mới, con người mới xã hội chủ nghĩa đồng thời làm rõ được vai trò của công tác trong phong trào thi đua yêu nước của ngành giáo dục.

Tuyên truyền nhân rộng điển hình tiên tiến thực chất là quá trình lựa chọn, phân tích, đánh giá, tổng kết và phổ biến kinh nghiệm đặc sắc trong các mô hình, điển hình đã được xác định. Để đạt được kết quả tốt, cấp ủy, chính quyền, các đoàn thể chính trị - xã hội, các ngành, các cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng, các cơ quan thông tin đại chúng cần có nhận thức đúng đắn về vị trí, vai trò, ý nghĩa và tầm ảnh hưởng quan trọng của công tác tuyên truyền nhân rộng và nêu gương điển hình tiên tiến trong các phong trào thi đua hiện nay, để nó trở thành động lực thúc đẩy mọi người cùng nỗ lực phấn đấu thi đua, góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp CNH, HĐH đất nước và mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng và văn minh. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Chính trị. *Kết luận về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII, phương hướng phát triển giáo dục và đào tạo đến năm 2020*, tại phiên họp ngày 5/3/2009 của Bộ Chính trị.
- [2] Nguyễn Minh Cường. *Bồi dưỡng và đào tạo nhân lực trong điều kiện mới*. Chương trình khoa học cấp Nhà nước KX 07-14.
- [3] Phan Văn Kha (2002). *Giáo trình quản lí nhà nước về giáo dục*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [4] Đặng Bá Lâm (2005). *Quản lí Nhà nước về giáo dục - Lí luận và thực tiễn*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [5] *Từ điển Giáo dục học* (2001). NXB Từ điển Bách khoa.

## Vận dụng lí thuyết nhận thức...

(Tiếp theo trang 27)

thuộc rất nhiều vào sự định hướng của GV đến quá trình tự giác nhận thức của người học. Mục đích của mọi phương pháp và kĩ thuật DH đều nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người học làm chủ nội dung DH. Ở mức độ DH trình độ cao đòi hỏi quá trình nhận thức của người học được kiểm nghiệm, được kiến thiết trong hoàn cảnh và điều kiện cụ thể. Việc vận dụng lí thuyết NTLH trong DH nghiệp vụ QLTMN là hướng đi gợi mở nhiều sức sáng tạo và sự khám phá của GV. Hi vọng với những đóng góp cụ thể, bài viết sẽ giúp GV có nhiều gợi ý bổ ích để không ngừng phát huy tối đa tiềm năng vốn có của người học và đạt được mục tiêu DH nghiệp vụ quản lí nhà trường cao nhất. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Rand J. Spiro (2007). *Cognitive Flexibility*,

*Constructivism, and Hypertext*, [http://phoenix.sce.fct.unl.pt/simposio/Rand\\_Spiro.htm](http://phoenix.sce.fct.unl.pt/simposio/Rand_Spiro.htm)

- [2] John Bottomley and Jocelyn Calvert (2005). *Evaluation of the Impact of Flexible Teaching And Learning on Academic Staff at the University of Tasmania*, Final Report.
- [3] Bùi Văn Quân (2005). *Thiết kế nội dung học tập theo lí thuyết nhận thức linh hoạt*. Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 1, tr 29-33.
- [4] Lê Thị Quỳnh Trang (2009). *Một số kĩ năng thiết kế bài dạy theo lí thuyết nhận thức linh hoạt*. Tạp chí Khoa học - Công nghệ, số 51(3), tr 113-118.
- [5] Bùi Văn Hồng (2014). *Dạy học theo lí thuyết nhận thức linh hoạt và vận dụng vào dạy học thực hành máy điện*. Tạp chí Khoa học Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, tập 59, số 8, tr 133-141.
- [6] *Chương trình Bồi dưỡng cán bộ quản lí trường mầm non* (ban hành kèm theo Quyết định số 382/QĐ-BGDĐT ngày 20/01/2012 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- [7] Trần Thị Tuyết Oanh (chủ biên, 2009). *Giáo trình giáo dục học (tập 1, 2)*. NXB Đại học Sư phạm.
- [8] Thái Duy Tuyên (2008). *Phương pháp dạy học truyền thống và đổi mới*. NXB Giáo dục.